TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày: 31-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- T ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – T ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 834/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn N, sinh năm 1972 tại huyện P, tỉnh Bến Tre. Tên gọi khác: Tém. Nơi cư trú: 53/2 ấp T, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị C; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 23 tháng 10 năm 1997, có hành vi gây rối trật tự công cộng bị đưa vào Cơ sở giáo dục tại Bến Giá, tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 1811/UBQĐ (đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính). Ngày 01 tháng 10 năm 2009, bị Công an xã Đ xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 200.000đ về hành vi trộm cắp tài sản, theo Quyết định 14/QĐ-XPHC; đã nộp phạt xong (đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính).

Bị cáo đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 27/2019/HSST-QĐ ngày 05/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Văn N: Ông Trần Văn V – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn N: Ông Nguyễn Văn T – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Bị hại: Đặng Thị T, sinh năm 1968, Nguyễn Văn T, sinh năm 1967, cùng nơi cư trú: 112/3 ấp Thạnh B, xã Tân Phong, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông T ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền đề ngày 07/9/2018.

Bà T có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 03/8/2002, nơi cư trú: 3/2 ấp VB, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Anh T: bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Văn Bé N, sinh năm 1961. Có mặt.

Cùng nơi cư trú: 3/2 ấp Vĩnh B, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng:

Phan Văn H, sinh năm 1956, nơi cư trú: số 03, tổ 13, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Đặng Văn S, sinh năm 1978, nơi cư trú: khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Trần Tô V, sinh năm 1975, nơi cư trú: 16/1 khu phố 1, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1992, nơi cư trú: ấp ĐB, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, nơi cư trú: khu phố 2, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Nguyễn Văn Bé N, sinh năm 1961, Nguyễn Thị C, sinh năm 1968, cùng nơi cư trú: 3/2 ấp VB, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Lê Văn N biết được ông Đặng V (cư trú ấp M, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre) vừa qua đời, trước khi chết ông V có chia tài sản cho các con nên đã nảy sinh ý định lấy trộm để tiêu xài cá nhân. Vào khoảng 00 giờ ngày 26 tháng 3 năm 2018, N đến nhà ông V thì phát hiện mọi người trong nhà ông V đều đã ngủ say, cửa nhà không khóa nên lén lút đột nhập vào bên trong. Khi đi vào phòng ngủ, N nhìn thấy bà Đặng Thị T (sinh năm 1968, ĐKTT: Số nhà 112/3 ấp Thạnh B, xã Tân Phong, huyện P, tỉnh Bến Tre; là con ông V) đang nằm ngủ trên giường, bên cạnh có để một chiếc bóp da màu đen, N liền lấy chiếc bóp đem ra cửa phòng ngủ kiểm tra thì phát hiện bên trong bóp có 03 (ba) cọc tiền, mệnh giá mỗi tờ 200.000đ (hai trăm ngàn đồng); 01 (một) cọc tiền mệnh giá mỗi tờ 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) và 02 miếng vàng được bọc nhựa (loại vàng thẻ) cùng một số giấy tờ khác. N lấy 04 (bốn) cọc tiền và 02 (hai) thẻ vàng quấn vào vạt áo, còn chiếc bóp thì bỏ lại hiện trường rồi tẩu thoát. Sau khi về nhà, N không kiểm đếm số tài sản lấy trộm được mà đem cất giấu

toàn bộ vào trong chuồng gà để tiêu xài dần. Trong đó, N nhiều lần lấy số tiền trên để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi lắc tài xỉu, đá gà qua mạng được thua bằng tiền; cho Nguyễn Thị Anh T (sinh ngày 03/8/2002, cư trú tại ấp VB, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre) nhiều lần nhưng không xác định cụ thể là bao nhiêu tiền (do N không biết đếm tiền).

Sau khi tiêu xài hết số tiền lấy trộm được, N nhờ Nguyễn Thị Anh T chở đến tiệm vàng V, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre đem 02 (hai) thẻ vàng trộm được đổi cho chủ tiệm vàng là anh Trần Tô V lấy 04 (bốn) chiếc nhẫn vàng 24K, loại 9999, khối lượng mỗi chiếc là 05 (năm) chỉ rồi đem về nhà tiếp tục cất giấu. Sau đó, N đem vàng đi bán dần hết 03 (ba) chiếc nhẫn để lấy tiền tiêu xài cá nhân và dùng đánh bạc. Trong đó, có một lần N thuê ông Nguyễn Văn Bé N (sinh năm 1961, cư trú tại ấp VB, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre; là cha của Nguyễn Thị Anh T) chở đến tiệm vàng V tại khu phố 1, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre bán 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24K, loại 9999, khối lượng 05 (năm) chỉ. Sau khi tiêu xài hết số tiền có được từ việc bán 03 chiếc nhẫn vàng, N tiếp tục đem 01 (một) chiếc nhẫn vàng còn lại đi bán thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện P kiểm tra phát hiện nên mời N làm việc. Qua điều tra, Lê Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội như trên và giao nộp chiếc nhẫn vàng 24K, loại 9999, khối lượng 05 (năm) chỉ vàng để Công an thu giữ.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà Đặng Thị T đã đến Công an xã Đ trình báo sự việc và khai mình bị mất số tiền khoảng 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng) và 02 thẻ vàng 24k, tổng khối lượng là 20 chỉ vàng. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bà T đã xác định lại số tài sản bị mất gồm 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) và 02 thẻ vàng 24k, tổng khối lượng là 20 chỉ vàng; đồng thời trình bày rõ nguồn gốc tài sản bị mất trộm và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác. Cụ thể: trước khi ông V chết đã cho bà T 02 thẻ vàng và 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) được buộc thành 05 (năm) cọc tiền polyme, mệnh giá mỗi tờ tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng). Sau đó, bà T đem tiền mua 02 (hai) tấn gạo của chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1963, ĐKTT: khu phố 2, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre) hết 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) để làm từ thiện; số tiền còn lại là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng). Vào ngày 25 tháng 3 năm 2018, ông Nguyễn Văn T, (sinh năm 1967, là chồng của bà T) giao cho bà T số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) buộc thành 01 cọc mệnh giá mỗi tờ tiền là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), bao gồm: tiền của vợ chồng bà tích lũy được là 10.000.000đ (mười triệu đồng) và nhận tiền cọc cho thuê nhà là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Do đó, có căn cứ xác định Lê Văn N đã lấy trộm 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) và 02 thẻ vàng 24k, tổng khối lượng là 20 chỉ vàng của bà Đặng Thị T và 15.000.000 đồng của bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T.

Hai thẻ vàng mà Lê Văn N lấy trộm của bà Đặng Thị T không thu hồi được, nhưng theo lời khai của bị cáo, bị hại và người làm chứng đều xác định 02 (hai) thẻ vàng có đặc điểm hình chữ nhật, một mặt có chữ ghi thông tin Công ty vàng bạc đá quý SJC rồng vàng 9999, một mặt có in hình con rồng, khối lượng mỗi thẻ là 01 (một) lượng vàng 24K.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: 02 (hai) thẻ vàng hình chữ nhật, một mặt có chữ ghi thông tin Công ty vàng bạc đá quý SJC rồng vàng 9999, khối lượng mỗi thẻ vàng 01 (một) lượng, vàng SJC rồng vàng 9999 giá: 37.400.000 đồng/lượng x 02 lượng = 74.800.000 đồng.

Quá trình xác minh, do Lê Văn N có dấu hiệu bất Tờng về tâm lý nên ngày 23 tháng 5 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần.

Tại Kết luận giám định số 326/KL-VPYTW ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa kết luận: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự bị bệnh chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70-ICD.10); tại thời điểm gây án và hiện nay: Đương sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Vật chứng của vụ án được thu giữ gồm: 01 vòng tròn bằng kim loại màu vàng (dạng nhẫn đeo ngón tay), loại nhẫn trơn, mặt trong chiếc nhẫn có dòng chữ "Vũ Lan 9999- 5C 24K", được niêm phong.

Ngoài ra, Lê Văn N khai nhận sau khi lấy trộm được tài sản N đã cho tiền Nguyễn Thị Anh T nhiều lần nhưng không xác định được số tiền cụ thể. Tại tòa Nguyễn Thị Anh T xác định: Lê Văn N có cho T 03 (ba) lần với tổng số tiền là 17.600.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng), số tiền này T đã mua 01 (một) chiếc nhẫn kiểu bằng vàng và tiêu xài cá nhân hết. Ngày 01 tháng 5 năm 2018, T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện P: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt kiểu hình mặt trăng bằng kim loại màu vàng và ngôi sao có đính nhiều viên đá màu trắng bên ngoài, đính năm viên đá màu đỏ bên trong và trong cùng là viên đá màu trắng. Mặt trong chiếc nhẫn có dòng ký tự "KNN" và "680", được niêm phong; 16 tờ tiền Việt Nam, loại giấy bạc polyme mệnh giá 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), được niêm phong.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 02 tháng 7 năm 2018, bị hại Đặng Thị T và bị cáo Lê Văn N đã tự nguyện hòa giải và đề nghị Cơ quan điều tra bán hai chiếc nhẫn đã thu giữ như trên được tổng số tiền là 18.100.000đ (mười tám triệu một trăm ngàn đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiến hành trả cho bà Đặng Thị T tổng số tiền 18.100.000đ (mười tám triệu một trăm ngàn đồng) và 16 (mười sáu) tờ tiền Việt Nam loại tiền polyme mệnh giá 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Tổng số tiền trao trả cho bà T là 26.100.000đ (hai mươi sáu triệu một trăm ngàn đồng). Bà Đặng Thị T yêu cầu Lê Văn N phải tiếp tục bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 138.700.000đ (một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS, ngày 19-3-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Lê Văn N về "Tội trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm q, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: do bị cáo N không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên thấy rằng nếu áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo cũng không có khả năng thi hành nên đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự đề nghị buộc bị cáo Lê Văn N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Anh T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho người bị hại với số tiền là 138.700.000đ (một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng), trong đó bị cáo Lê Văn N phải bồi thường số tiền 129.800.000 đồng; Nguyễn Thị Anh T phải bồi thường 8.900.000 đồng nhưng do T là người chưa thành niên không có tài sản nên cha, mẹ của T là bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn Bé N phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 8.900.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị Anh T không hứa hẹn trước nhưng khi được Lê Văn N cho tiền đã biết rõ tài sản do N trộm cắp mà có, hành vi của T có dấu hiệu của tội phạm "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, có đủ căn cứ xác định khi thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản thì T chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với T.

Đối với ông Nguyễn Văn Bé N có hành vi chở Lê Văn N đến tiệm vàng V tại khu phố 1, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre bán 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24K, loại 9999, khối lượng 05 (năm) chỉ nhưng do không căn cứ xác định ông N biết rõ tài sản này do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với anh Trần Tô V là chủ tiệm vàng V (tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre) đã đổi lấy 02 thẻ vàng do Lê Văn N trộm cắp và giao cho N 04 (bốn) chiếc nhẫn vàng 24K, loại 9999, khối lượng mỗi chiếc là 05 (năm) chỉ, nhưng do không biết rõ tài sản phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi tham gia đánh bạc dưới hình thức đá gà, lắc tài xỉu được thua bằng tiền của Lê Văn N và những người khác, yêu cầu cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Bị cáo Lê Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đồng ý với bản luận tội của Viện kiểm sát nên không có ý kiến tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn N luật sư Nguyễn Văn T trình bày: ông không có ý kiến đối với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố, các điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tới việc bị cáo Lê Văn N là người bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để cho

bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Văn N là ông Trần Văn V trình bày: Ông không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với hành vi của Lê Văn N.

Bị hại Đặng Thị T trình bày: về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý hành vi của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bà đã nhận số tiền là 26.100.000đ (hai mươi sáu triệu một trăm ngàn đồng) nên yêu cầu Lê Văn N phải tiếp tục bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 138.700.000đ (một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Anh T trình bày: T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện P: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt kiểu hình mặt trăng bằng kim loại màu vàng và ngôi sao có đính nhiều viên đá màu trắng bên ngoài, đính năm viên đá màu đỏ bên trong và trong cùng là viên đá màu trắng. Mặt trong chiếc nhẫn có dòng ký tự "KNN" và "680", được niêm phong; 16 tờ tiền Việt Nam, loại giấy bạc polyme mệnh giá 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) và đồng ý giao nộp số tiền còn lại là 8.900.000 đồng nhưng T hiện không có tài sản để bồi thường.

Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn Bé N trình bày: quá trình điều tra bà C đã giao nộp số tiền 8.000.000 đồng là tự nguyện và không có yêu cầu gì đối với số tiền này. Ông, bà thừa nhận con gái của ông, bà là Nguyễn Thị Anh T hiện đang sống chung với ông, bà không có tài sản riêng gì.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: với động cơ tư lợi cá nhân nên vào khoảng 00 giờ ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại ấp M, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre, Lê Văn N đã lén lút chiếm đoạt số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) và 02 (hai) thẻ vàng 24k SJC 9999, có khối lượng mỗi thẻ 01 (một) lượng, vàng SJC rồng vàng

9999, có trị giá là 74.800.000đ (bảy mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng) của bà Đặng Thị T và 15.000.000đồng của bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T. Tài sản chiếm đoạt có tổng trị giá là 164.800.000đ (một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng). Vì vậy, bản Cáo trạng số 09/CT-VKS, ngày 19-3-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Lê Văn N về "Tội trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

…

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

…

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;".

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Lê Văn N là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại Đặng Thị T và Nguyễn Văn T. Mặc dù bị cáo là người bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng bị cáo vẫn ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, mong muốn có được tài sản của người khác nên vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem Tòng pháp luật của bị cáo. Vì vậy, bị cáo phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Lê Văn N trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo Lê Văn N là người không có tiền án, tiền sự nhưng không được coi là người có nhân thân tốt vì bị cáo đã từng bị áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục tại Bến Giá, tỉnh Trà Vinh và bị Công an xã Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản mà không biết cải sửa. Mặt khác, hành vi của bị cáo là nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời

gian mới đủ sức cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: do bị cáo N không có thu nhập ổn định nên thấy rằng nếu áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo cũng không có khả năng thi hành nên không áp dụng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Lê Văn N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Anh T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Đặng Thị T là 123.700.000 đồng; cho bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T là 15.000.000 đồng. Trong đó bị cáo Lê Văn N phải bồi thường số tiền 129.800.000 đồng; Nguyễn Thị Anh T phải bồi thường 8.900.000 đồng nhưng do T là người chưa thành niên không có tài sản nên cha, mẹ của T là bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn Bé N phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 8.900.000 đồng.

[10] Đối với Nguyễn Thị Anh T không hứa hẹn trước nhưng khi được Lê Văn N cho tiền đã biết rõ tài sản do N trộm cắp mà có, hành vi của T có dấu hiệu của tội phạm "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, có đủ căn cứ xác định khi thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản thì T chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với T.

Đối với ông Nguyễn Văn Bé N có hành vi chở Lê Văn N đến tiệm vàng V tại khu phố 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre bán 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24K, loại 9999, khối lượng 05 (năm) chỉ nhưng do không căn cứ xác định ông N biết rõ tài sản này do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với anh Trần Tô V là chủ tiệm vàng V (tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre) đã đổi lấy 02 thẻ vàng do Lê Văn N trộm cắp và giao cho N 04 (bốn) chiếc nhẫn vàng 24K, loại 9999, khối lượng mỗi chiếc là 05 (năm), nhưng do không biết rõ tài sản phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi tham gia đánh bạc dưới hình thức đá gà, lắc tài xỉu được thua bằng tiền của Lê Văn N và những người khác, yêu cầu cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp; về án phí dân sự sơ thẩm bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm q, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo Lê Văn N phạm "Tội trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Lê Văn N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Anh T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Đặng Thị T là 123.700.000 đồng; cho bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T là 15.000.000 đồng. Trong đó bị cáo Lê Văn N phải bồi thường số tiền 129.800.000 đồng; Nguyễn Thị Anh T phải bồi thường 8.900.000 đồng nhưng do T là người chưa thành niên không có tài sản nên cha, mẹ của Nguyễn Thị Anh T là bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn Bé N phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 8.900.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.490.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Nguyễn Thị Anh T phải chịu 445.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh

- Chi cục THADS huyện P;
- Công an huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở T pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.